

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 12 CHUYÊN

(Thực hiện từ năm học 2012 - 2013)

Cả năm: 210 tiết	Học kì I 19 tuần (110 tiết) 18 tuần x 6 tiết = 108 tiết 1 tuần x 2 tiết = 2 tiết	Học kì II 18 tuần (100 tiết) 15 tuần x 6 tiết = 90 tiết 2 tuần x 4 tiết = 8 tiết 1 tuần x 2 tiết = 2 tiết
Giải tích: 107 tiết	55 tiết 18 tuần x 3 tiết = 54 tiết 1 tuần x 1 tiết = 1 tiết	52 tiết 17 tuần x 3 tiết = 51 tiết 1 tuần x 1 tiết = 1 tiết
Hình học: 70 tiết	37 tiết 18 tuần x 2 tiết = 36 tiết 1 tuần x 1 tiết = 1 tiết	33 tiết 15 tuần x 2 tiết = 30 tiết 3 tuần x 1 tiết = 3 tiết
Chuyên đề: 33 tiết	18 tiết 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết 1 tuần x 0 tiết = 0 tiết	15 tiết 15 tuần x 1 tiết = 15 tiết 3 tuần x 0 tiết = 0 tiết

I. GIẢI TÍCH (110 tiết)

Chương	Mục	Tiết
	Tính đơn điệu của hàm số.	1,2,3
	Cực trị của hàm số.	4,5,6
	GTLN và GTNN của hàm số .	7,8,9
	Đường tiệm cận của đồ thị hàm số.	10,11,12
	KS và vẽ đồ thị hàm số đa thức.	13,14,15
	KS và vẽ đồ thị hàm số phân thức.	16,17,18
	Một số bài toán thường gặp về đồ thị.	19,20,21
	Ôn tập chương I * Kiểm tra 45'	22,23 24
	Luỹ thừa với số mũ hữu tỉ.	25,26,27
	Luỹ thừa với số mũ thực.	28,29,30

	Logarit. Số e và logarit tự nhiên.	31,32,33
	Hàm số mũ.	34
	Hàm số logarit .	35
	Hàm số lũy thừa.	36
	Phương trình mũ và logarit.	37,38,39
	Phương trình mũ và logarit.	40,41,42
	Hệ phương trình mũ và logarit	43,44,45
	Hệ phương trình mũ và logarit	46,47,48
	Ôn tập giữa chương 2 * Kiểm tra 45'	49,50 51
	Ôn tập học kỳ 1	52,53,54
	* Kiểm tra học kì 1	55
	Bất phương trình mũ và logarit	56,57,58
	Bất phương trình mũ và logarit	59,60,61
	Nguyên hàm.	62,63,64
	Một số p.pháp tìm nguyên hàm	65,66,67
	Một số p.pháp tìm nguyên hàm	68,69,70
	Tích phân	71,72,73
	Một số p.pháp tính tích phân	74,75,76
	Một số p.pháp tính tích phân	77,78,79
	Một số p.pháp tính tích phân	80,81,82
	Ứng dụng TP để tính diện tích	83,84,85
	Ứng dụng TP để tính thể tích * Kiểm tra 45'	86,87 88
	Số phức	89,90,91
	Căn bậc 2 và PT bậc 2	92,93,94
	Dạng lượng giác của số phức	95,96,97
	* Kiểm tra 45'	98
	Ôn tập học kì 2	99,100
	* Kiểm tra học kì 2	101
	Ôn thi tốt nghiệp THPT	102,103,104
	Ôn thi tốt nghiệp THPT(tt)	105,106,107

II. Hình học (70 tiết)

Chương	Mục	Tiết
	Khái niệm khối đa diện	1,2
	Phép đối xứng qua mp và sự bằng nhau của các khối đa diện	3,4
	Phép đối xứng qua mp và sự bằng nhau của các khối đa diện (tt)	5,6
	Phép vị tự và sự đồng dạng của khối đa diện. Các khối đa diện đều	7,8
	Phép vị tự và sự đồng dạng của khối đa diện. Các khối đa diện đều (tt)	9,10
	Thể tích khối đa diện	11,12
	Thể tích khối đa diện (tt)	13,14
	Thể tích khối đa diện (tt)	15,16
	Ôn tập chương 1	17,18
	Ôn tập chương 1(tt)	19
	* Kiểm tra 45'	20
	Mặt cầu, khối cầu	21,22
	Mặt cầu, khối cầu(tt)	23,24
	Mặt trụ, hình trụ và khối trụ	25,26
	Mặt trụ, hình trụ và khối trụ (tt)	27,28
	Mặt nón, hình nón và khối nón	29,30
	Ôn tập chương 2	31,32
	Ôn tập học kì 1	33,34
	Ôn tập học kì 1 (tt)	35,36
	Kiểm tra học kì 1	37
	Hệ toạ độ trong KG	38,39
	Hệ toạ độ trong KG (tt)	40,41
	Hệ toạ độ trong KG (tt)	42,43
	Phương trình mặt phẳng	44,45
	Phương trình mặt phẳng(tt)	46,47
	Phương trình mặt phẳng(tt)	48,49
	* Kiểm tra 45'	50

	Phương trình đường thẳng	51
	Phương trình đường thẳng (tt)	52,53
	Phương trình đường thẳng (tt)	54,55
	Phương trình đường thẳng (tt)	56,57
	Phương trình đường thẳng (tt)	58,59
	Ôn tập chương 3	60,61
	Ôn tập chương 3(tt)	62,63
	Ôn tập học kì 2	64,65
	Ôn tập học kì 2(tt)	66,67
	* Kiểm tra học kì 2	68
	Ôn thi tốt nghiệp THPT	69
	Ôn thi tốt nghiệp THPT(tt)	70

III. Chuyên đề (33 tiết)

Chương	Mục	Tiết
	Hình lồi	1
	Hình lồi(tt)	2
	Bài toán phân chia hình phẳng	3
	Bài toán phân chia hình phẳng(tt)	4
	Bài toán chiếu sáng	5
	Bài toán chiếu sáng(tt)	6
	Lưới điểm trên mặt phẳng	7
	Lưới điểm trên mặt phẳng(tt)	8
	Bài toán phủ	9
	Bài toán phủ(tt)	10
	Phương trình hàm	11
	Phương trình hàm(tt)	12
	Phương trình hàm(tt)	13
	Phương trình hàm(tt)	14
	Phương trình hàm(tt)	15
	Phương trình hàm(tt)	16

	Phương trình hàm(tt)	17
	Phương trình hàm(tt)	18
	Phương trình hàm(tt)	19
	Phương trình hàm(tt)	20
	Bất đẳng thức	21
	Bất đẳng thức (tt)	22
	Bất đẳng thức (tt)	23
	Bất đẳng thức (tt)	24
	Bất đẳng thức (tt)	25
	Bất đẳng thức (tt)	26
	Bất đẳng thức (tt)	27
	Bất đẳng thức (tt)	28
	Bất đẳng thức (tt)	29
	Bất đẳng thức (tt)	30
	Ôn tập tổng hợp	31
	Ôn tập tổng hợp(tt)	32
	Ôn tập tổng hợp(tt)	33

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 11 CHUYÊN

(Thực hiện từ năm học 2012 - 2013)

Cả năm: 222 tiết	Đại số và Giải tích: 112 tiết	Hình học: 59 tiết	Chuyên đề : 51 tiết
Học kỳ I: 19 tuần x 6tiết = 114 tiết	54 tiết: 16 tuần x 3 tiết = 48 tiết 3 tuần x 2 tiết = 6tiết	30 tiết: 8 tuần x 2 tiết = 16 tiết 8 tuần x 1 tiết = 8 tiết 3 tuần x 2 tiết = 6 tiết	30 tiết: 8 tuần x 1 tiết = 8 tiết 11tuần x 2 tiết =22tiết
Học kỳ II: 18 tuần x 6 tiết = 108 tiết	58 tiết: 4 tuần x4 tiết = 16 tiết 14 tuần x 3 tiết = 42tiết	29 tiết: 4 tuần x 1 tiết = 4 tiết 11 tuần x 2 tiết = 22 tiết 3 tuần x 1 tiết = 3 tiết	21 tiết: 15tuần x 1 tiết = 15tiết 3 tuần x 2 tiết = 6 tiết

I. ĐẠI SỐ & GIẢI TÍCH 11 (112 tiết)

Chương	Mục	Tiết
I. HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC VÀ PHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC. SỐ PHỨC (29 tiết)	HÀM SỐ LƯỢNG GIÁC	
	Định nghĩa, tập giá trị, tính tuần hoàn, tính chẵn lẻ, sự biến thiên, đồ thị của các hàm số lượng giác.	1-2
	Tính tuần hoàn, chu kỳ (cơ sở), sự biến thiên, đồ thị của một số lượng giác thường gặp	3-4
	Luyện tập	5 -6
	PHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC .	
	Phương trình lượng giác cơ bản.	7-8
	Phương trình bậc 2, bậc 3 (đơn giản), trùng phương đối với một hàm số lượng giác cơ bản.	9-10
	Phương trình bậc nhất đối với $\sin x$ và $\cos x$, pt thuần nhất bậc 2, bậc 3 đối với $\sin x$ và $\cos x$.	11-12
	Phương trình đối xứng đối với $\sin x$ và $\cos x$, phương trình đối xứng đối với $\tan x$ và $\cot x$.	13-14
	Luyện tập.	15-16
	Phương trình lượng giác không mẫu mực	17-18
	BẤT PHƯƠNG TRÌNH LƯỢNG GIÁC .	
	Các bất phương trình lượng giác cơ bản và phương pháp giải	19-20
	SỐ PHỨC .	
	Định nghĩa số phức, mặt phẳng phức, dạng đại số của số phức, các phép toán về số phức trong dạng đại số của số phức.	21-22
	Dạng lượng giác của số phức, các phép toán về số phức trong dạng lượng giác, công thức Moa-vơ, căn bậc n	23-24

	của một số phức Luyện tập.	25-26
	<i>Ôn tập chương</i>	27-28
	<i>Kiểm tra viết</i>	29
II. TỔ HỢP. XÁC SUẤT. (25 tiết)	1.TỔ HỢP	
	Quy tắc cộng và quy tắc nhân	30-31
	Chỉnh hợp, hoán vị, chỉnh hợp lặp, hoán vị lặp, tổ hợp.	32-34
	Luyện tập.	35-36
	Nhị thức Niu-Tơn.	37-38
	Luyện tập.	39-40
	2. XÁC SUẤT	
	Biến cố và xác suất của biến cố (phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, tính chất cơ bản).	41-42
	Luyện tập.	43
	Các quy tắc tính xác suất (biến cố xung khắc, công thức cộng, biến cố độc lập, công thức nhân)	44-45
	Luyện tập.	46-47
	Biến ngẫu nhiên rời rạc Kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.	48-49
	Ôn tập chương II.	50-51
	<i>Bài kiểm tra viết cuối chương II.</i>	52
	ÔN TẬP - KIỂM TRA HỌC KÌ I	53-54
III.DẪY SỐ. CẤP SỐ CỘNG. CẤP SỐ NHÂN (15 tiết)	Dãy số: Định nghĩa, các cách cho một dãy số. Dãy con. Các phép toán về dãy số.	55-56
	Dãy đơn điệu, dãy bị chặn, dãy tuần hoàn	57-58
	Luyện tập	59
	Cấp số cộng (Định nghĩa, điều kiện cần và đủ để một dãy là một cấp số cộng; số hạng tổng quát, công thức tìm tổng của n số hạng đầu tiên của một cấp số cộng).	60-61
	Luyện tập	62-63
	Cấp số nhân (Định nghĩa, điều kiện cần và đủ để một dãy là một cấp số nhân; số hạng tổng quát, công thức tìm tổng của n số hạng đầu tiên của một cấp số nhân).	64-65
	Dãy số $u_{n+1} = au_n + b$ (Phương pháp tìm số hạng tổng quát).	66
	Luyện tập	67
	Ôn tập chương III	68
	<i>Kiểm tra viết</i>	69
II- GIỚI HẠN CỦA DẪY SỐ (13tiết)	Dãy số có giới hạn hữu hạn (Định nghĩa, một số định lí về giới hạn của dãy số, tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn, số e).	70-71
	Dãy số có giới hạn vô cực	72
	Luyện tập	73

	Giới hạn của hàm số (Định nghĩa, một số định lý về giới hạn của hàm số, mở rộng khái niệm giới hạn của hàm số).	74-75
	Các dạng vô định	76
	Luyện tập	77
	Hàm số liên tục (định nghĩa hàm số liên tục tại một điểm, trên một khoảng, một đoạn; một số định lý về hàm số liên tục).	78-79
	Luyện tập.	80
III- ĐẠO HÀM. (15 tiết)	Khái niệm đạo hàm(định nghĩa, ý nghĩa Hình Học, Vật lý, của đạo hàm của hàm số tại một điểm; đạo hàm của hàm số trên một khoảng, đạo hàm một bên, đạo hàm của hàm số trên một đoạn, trên nửa khoảng, đạo hàm của một số hàm số thường gặp).	83-84
	Luyện tập.	85
	Các quy tắc tính đạo hàm(đạo hàm của một số hàm sơ cấp, đạo hàm của tổng, hiệu, tích thương của các hàm số, đạo hàm của hàm số hợp).	86-87
	Luyện tập.	88
	Đạo hàm của hàm số lượng giác(Giới hạn $\lim_{x \rightarrow 0} \frac{\sin x}{x}$, đạo hàm của các hàm số lượng giác cơ bản).	89-90
	Luyện tập	91
	Vi phân(Vi phân của hàm số tại một điểm, ứng dụng của vi phân vào tính gần đúng, vi phân của hàm số).	92
	Luyện tập	93
	Đạo hàm cấp cao (định nghĩa và cách tính, ý nghĩa cơ học của đạo hàm cấp hai).	94
	Luyện tập.	95
V- ỨNG DỤNG CỦA ĐẠO HÀM. (15 tiết)	Ôn tập chương.	96-97
	Điều kiện cần và đủ để hàm số đồng biến, nghịch biến trên một đoạn.	98-99
	Luyện tập	100
	Cực trị của một hàm số.	101
	Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm số	102
	Luyện tập.	103-104
	Tính lồi lõm của hàm số(định nghĩa hàm số lồi, hàm số lõm trên một khoảng; điểm uốn của đồ thị hàm số; ứng dụng đạo hàm để xác định các khoảng lồi, lõm của một hàm số, tìm điểm uốn của đồ thị hàm số).	105-106
	Phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số (Viết phương trình tiếp tuyến khi biết: + Tọa độ của tiếp điểm + Góc giữa tiếp tuyến và một đường thẳng cho trước + Tọa độ của một điểm thuộc tiếp tuyến đó)	107-108

	Ôn tập chương	109
	Kiểm tra viết	110
	Ôn tập và kiểm tra cuối năm.	111-112

I. HÌNH HỌC 11 (59 tiết)

Chương	Mục	Tiết
I- PHÉP DỜI HÌNH VÀ PHÉP ĐỒNG DẠNG (15 tiết)	Mở đầu, phép biến hình, phép tịnh tiến, phép dời hình	1-2
	Luyện tập	3
	Phép đối xứng trục	4
	Luyện tập	5
	Phép quay, phép đối xứng tâm	6
	Luyện tập	7
	Hình bằng nhau	8-9
	Phép vị tự và phép đồng dạng.	10-11
	Luyện tập	12
	Câu hỏi và bài tập ôn chương I	13-14
	Bài kiểm tra viết chương I	15
II - ĐƯỜNG THẲNG VÀ MẶT PHẪNG TRONG KHÔNG GIAN. QUAN HỆ SONG SONG (20tiết)	Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng	16
	Luyện tập.	17
	Hai đường thẳng chéo nhau và hai đường thẳng song song	18-19
	Luyện tập.	20-21
	Đường thẳng song song với mặt phẳng.	22-23
	Luyện tập.	24-25
	Hai mặt phẳng song song. Hình trụ và hình hộp.	26-27
	Luyện tập.	28-29
	Kiểm tra học kỳ 1	30
	Phép chiếu song song. Hình biểu diễn của một hình không gian.	31-32
	Luyện tập.	33
	Câu hỏi và bài tập ôn chương II.	34-35
III- VECTO TRONG KHÔNG GIAN. QUAN HỆ VUÔNG GÓC TRONG KHÔNG GIAN (28 tiết)	Vector trong không gian. Sự đồng phẳng của các vector	36-37
	Luyện tập	38-39
	Hai đường vuông góc.	40-41
	Luyện tập	42-43
	Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Phép chiếu vuông góc.	44-45
	Luyện tập	46-47
	Hai mặt phẳng vuông góc. Góc đa diện.	48-49
	Luyện tập.	50-51
	Kiểm tra viết.	52
	Khoảng cách.	53-54
	Luyện tập.	55-56

	Câu hỏi và bài tập ôn chương III.	57-58
	Bài kiểm tra cuối năm	59

III.CHUYÊN ĐỀ

Chuyên đề	Mục	Tiết
Chuyên đề I: Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng nâng cao (9 tiết)	Phép dời hình, hợp thành của các phép dời hình, nhóm các phép dời hình.	1
	Bài tập	2
	Mặt phẳng định hướng. Phép dời hình thuận và nghịch	3
	Dạng chính tắc của phép dời hình	4
	Dạng chính tắc của phép đồng dạng.	5
	Áp dụng phép dời hình và phép đồng dạng vào giải các bài toán chứng minh.	6
	Áp dụng phép dời hình và phép đồng dạng vào giải các bài toán quỹ tích và dựng hình.	7
	Bài tập	8-9
Chuyên đề II- Đa thức. (8 tiết)	Định lí Viet và một số kết quả liên quan đến nghiệm của đa thức; công thức nội suy Lagrange.	10-12
	Phép chia đa thức; định lí Bôdu, thuật toán Ôclit tìm ucln của 2 đa thức	13
	Đa thức nguyên tố cùng nhau(Định nghĩa và một số tính chất đơn giản); đa thức bất khả quy.	14
	Đa thức đối xứng	15
	Đa thức Trê-bur-sep	16
	Đa thức với hệ số phức; định lí Đa-lăm-be; ứng dụng của số phức trong lí thuyết đa thức với hệ số thực.	17
Chuyên đề III- Đại số tổ hợp (12 tiết)	Số phần tử của một tập hữu hạn (định nghĩa, tính chất cơ bản)	18-19
	Tổ hợp lặp (Định nghĩa, công thức tính tổ hợp lặp chập k của một tập hợp có n phần tử)	20-23
	Các phương pháp tìm số phần tử của một tập hữu hạn	24-26
	Ứng dụng của phép đếm số phần tử của một tập hữu hạn trong việc giải các bài toán tổ hợp	27-29
Chuyên đề IV- Dãy số và Giới hạn của dãy số. (12 tiết)	Phương pháp tìm số hạng tổng quát của một số dạng dãy số.	30-32
	Dãy số Phibônaxi: Định nghĩa - Một số tính chất đơn giản - Các bài toán có liên quan.	33-34
	Các bài toán chọn lọc về dãy số nguyên.	35-37
	Các phương pháp khảo sát sự hội tụ và tìm giới hạn của dãy số.	38-41
CHUYÊN ĐỀ MỘT SỐ VẤN	Tứ diện đều, tứ diện gần đều, tứ diện trực tâm: Định nghĩa và các tính chất.	42-42

ĐỀ CỬA HÌNH HỌC KHÔNG GIAN (10 tiết)	Các bài toán cực trị.	44-45
	Các phương pháp thông dụng giải các bài toán hình học không gian.	46-47
	Hình đa diện và khối đa diện. Định lý OLE về khối đa diện lồi. Khối đa diện đều.	48-49
	Một số bài toán ôn tập tổng hợp về tứ diện và hình hộp	50-51

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 10 CHUYÊN

(Thực hiện từ năm học 2012 - 2013)

1 – Phân chia theo phân môn, học kì và tuần học

Cả năm: 175 tiết		Đại số: 105 tiết	Hình học: 70 tiết
19tuần 90 tiết	17 tuần x 5 = 85 tiết 1 tuần giữa x 2 = 2 tiết 1 tuần sau x 3 = 3 tiết	54	36
		17 tuần đầu x 3 = 51 tiết 1 tuần giữa x 1 = 1 tiết 1 tuần sau x 2 = 2 tiết	17 tuần đầu x 2 = 34 tiết 1 tuần giữa x 1 = 1 tiết 1 tuần sau x 1 = 1 tiết
18tuần 85 tiết	16 tuần x 5 = 80 tiết 1 tuần giữa x 2 = 2 tiết 1 tuần sau x 3 = 3 tiết	51	34
		16 tuần đầu x 3 = 48 tiết 1 tuần giữa x 1 = 1 tiết 1 tuần sau x 2 = 2 tiết	16 tuần đầu x 2 = 32 tiết 1 tuần giữa x 1 = 1 tiết 1 tuần sau x 1 = 1 tiết

2 – Phân phối chương trình

ĐẠI SỐ VÀ GIẢI TÍCH (105 tiết)

CHƯƠNG	TÊN BÀI	TIẾT PPCT
Chương I: Mệnh đề. Tập hợp. Ánh xạ (22 tiết)	Mệnh đề	1, 2, 3
	Mệnh đề chứa biến	4, 5
	Áp dụng mệnh đề vào suy luận toán học.	6, 7, 8, 9
	Tập hợp	10, 11, 12, 13, 14, 15, 16
	Ánh xạ	17, 18, 19, 20
	Ôn tập chương I	21
	Kiểm tra chương I	22
Chương II: Hàm số (20 tiết)	Đại cương về hàm số	23, 24, 25, 26, 27, 28, 29
	Hàm số bậc hai	30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40
	Ôn tập chương II	41, 42
Chương III: Bất Đẳng Thức (12 tiết)	Định nghĩa và các tính chất cơ bản của Bất Đẳng Thức.	43, 44
	Bất Đẳng Thức giữa trung bình cộng và trung bình nhân.	45, 46, 47

	BDT Bunhia-côpxki	48
	Kiểm tra chương II và giữa chương III	49
	BDT Becnulli – Nesbit – Jensen.	50
	Ôn tập chương III	51
	Ôn tập HK I	52
	Kiểm tra học kì I	53
	<i>Trả bài kiểm tra học kì I</i>	54
Chương IV: Phương trình – Bất phương trình đại số. (18 tiết)	Đại cương về phương trình và bất phương trình.	55, 56
	Phương trình và bất phương trình bậc hai.	57, 58, 59, 60, 61
	Một số dạng phương trình - bất phương trình thường gặp.	62, 63, 64, 65, 66
	Các phương pháp đặc biệt giải phương trình – bất phương trình.	67, 68, 69, 70, 71, 72
Chương V: Hệ phương trình – Hệ bất phương trình đại số (12 tiết)	Đại cương về Hệ phương trình – Hệ bất phương trình.	73, 74
	Một số dạng hệ phương trình.	75, 76, 77, 78, 79
	Một số dạng hệ bất phương trình.	80, 81, 82
	Ôn tập chương IV - V	83
	Kiểm tra chương IV – V	84
Chương VI: Các công thức Lượng giác (12 tiết)	Công thức cộng.	85, 86
	Công thức nhân đôi, nhân ba.	87, 88, 89
	Công thức biến tích thành tổng.	90, 91
	Công thức biến tổng thành tích.	92, 93
	Ôn tập chương V	94, 95
	Kiểm tra chương IV	96
Chương VII: Thống kê (9 tiết)	Một vài khái niệm mở đầu.	97
	Trình bày một mẫu số liệu.	98, 99
	Số đặc trưng của mẫu số liệu.	100, 101
	Ôn tập học kì II	102, 103
	Kiểm tra học kì II	104
	<i>Trả bài kiểm tra học kì II</i>	105

HÌNH HỌC (70 tiết)

CHƯƠNG	TÊN BÀI	TIẾT PPCT
Chương I: Vector (16 tiết)	Định nghĩa vector – Tổng và hiệu của hai vector.	1, 2, 3
	Tích của một số với một vector.	4, 5, 6
	Trục tọa độ.	7, 8, 9
	Hệ trục tọa độ.	10, 11, 12, 13
	Ôn tập chương I.	14, 15
	Kiểm tra chương I	16
Chương II: Tích vô hướng của hai vector và ứng dụng (23 tiết)	Giá trị lượng giác của một góc bất kì	
	Góc và cung lượng giác	17, 18
	Giá trị lượng giác của một góc (cung)	19, 20
	Giá trị lượng giác của góc (cung) có liên quan đặc biệt.	21, 22, 23
	Tích vô hướng của hai vector.	24, 25, 26, 27, 28, 29
	Các hệ thức lượng trong tam giác	30, 31, 32
	Ôn tập học kì I	33, 34
	Kiểm tra học kì I	35
	Trả bài kiểm tra học kì I	36
	Các hệ thức lượng trong đường tròn.	37, 38, 39
Chương III: Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng (19 tiết)	Phương trình đường thẳng.	40, 41, 42, 43
	Khoảng cách và góc.	44, 45, 46
	Phương trình đường tròn.	47, 48, 49
	Kiểm tra giữa chương III	50
	Ba đường Conic.	
	Đường Elip	51, 52, 53
	Đường Hypebol	54, 55
	Đường Parabol	56, 57
	Ba đường Conic	58
Chương IV: Các phép biến hình trong mặt phẳng. (12 tiết)	Phép biến hình – Phép dời hình – Phép tịnh tiến.	59, 60, 61
	Phép đối xứng trục.	62, 63
	Phép quay – Phép đối xứng tâm.	64, 65
	Phép vị tự - Phép đồng dạng.	66, 67
	Ôn tập học kì II	68
	Kiểm tra học kì II	69
	Trả bài học kì II	70

CHUYÊN ĐỀ (35 tiết)

CHƯƠNG	TÊN BÀI	TIẾT PPCT
<u>Chuyên đề I:</u> Một số vấn đề về Toán Tổ Hợp(12 tiết)	Nguyên tắc Diriclé.	1, 2
	Quy tắc đếm.	3, 4
	Hoán vị - Chỉnh hợp – Tổ hợp.	5, 6, 7, 8
	Nhị thức Newton.	9, 10
	Đại lượng bất biến – Nửa bất biến - Ứng dụng giải các bài toán Tổ hợp.	11, 12
<u>Chương II:</u> Bất đẳng thức. (10 tiết)	Phương pháp chứng minh làm trội.	13, 14
	Phương pháp áp dụng bất đẳng thức trong tam giác.	15, 16
	Phương pháp chứng minh bất đẳng thức đối xứng, bất đẳng thức thuần nhất.	17, 18, 19
	Một số bài tập về ứng dụng các bất đẳng thức nổi tiếng.	20, 21, 22
<u>Chương III:</u> Hình học phẳng(13 tiết)	Các bài toán chứng minh.	23, 24, 25
	Các bài toán tính toán.	26, 27
	Các bài toán quỹ tích.	28, 29
	Các bài toán dựng hình.	30, 31, 32
	Các bài toán cực trị.	33, 34, 35